

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

Nguyên Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Ngọc Xuân L; sinh ngày: 18/02/1980;  
Trú tại: Xóm B, xã M, huyện E, tỉnh Cao Bằng.
- *Bị đơn*: Chị Vi Ly N; sinh ngày: 14/8/1983;  
Trú tại: Xóm B, xã M, huyện E, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngọc Xuân L và chị Vi Ly N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ngọc Xuân L và chị Vi Ly N cùng nhất trí thuận tình ly hôn.
  - *Về con chung*: Anh Ngọc Xuân L và chị Vi Ly N cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Ngọc Trường E, sinh ngày 09/7/2004 và Ngọc Tường

A; sinh ngày 19/3/2015. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị N tại xóm B, xã M huyện E, Cao Bằng.

Sau khi ly hôn, chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con là cháu Ngọc Trường E và Ngọc Tường A mỗi cháu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh Ngọc Xuân L và chị Vi Ly N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** Anh Ngọc Xuân L và chị Vi Ly N xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận về các khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

+ Chị Vi Ly N phải nộp 75.000,đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước;

+ Anh Ngọc Xuân L phải nộp 75.000,đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung sung quỹ Nhà nước. Tổng số tiền anh L phải nộp là 225.000,đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại biên lai số 0001802 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Anh L được trả lại số tiền 75.000,đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã M;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Mã Nguyệt Thu**

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng.....năm.....,  
giữa<sup>(2)</sup>:

.....  
.....  
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm .....

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa <sup>(3)</sup>.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:<sup>(4)</sup> .....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).